

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2024

“V/v Tranh chấp về bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đình Xiềng

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vương Tấn Lập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên;

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Lê Thanh C**; địa chỉ: **Tổ dân phố B, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Phan Huy T**; địa chỉ: **Tổ dân phố A, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Lê Thị S**; địa chỉ: **Tổ dân phố B, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là ông **Lê Thanh C** trình bày: Vợ chồng ông **Lê Thanh C** và bà **Lê Thị S** có nhận chuyển nhượng của ông **Tô Ngọc H** và bà **Lê Thị Tuyết t** đất số 180 và 21, tờ bản đồ số 26 tại **tổ dân phố A, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 930746 được **Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp ngày 15/11/2016, đã cập nhật chuyển nhượng cho ông **Lê Thanh C** và bà **Lê Thị S** ngày 16/5/2023. Khi nhận chuyển nhượng, trên đất có 950 cây Cà phê đã già cỗi nên ông **C** và bà **S** phá đi trồng lại cây Cà phê con, cây trồng mới được 05 tháng. Về phía ông **Phan Huy T** có mua ruộng lúa nước của người địa phương vào năm 2019, do có tranh chấp về quyền sử dụng đất nên ông **T** vào thửa đất số 180 để phá cây Cà phê và cây Sầu riêng do ông **C** và bà **S** mới trồng, cụ thể như sau: Lần 01: Vào ngày 03/6/2023, Ông Thục nhỏ, phun thuốc vào 50 cây Cà phê và 05 cây Sầu riêng; Lần 02: Ông Thục nhỏ 10 cây Cà phê và 05 cây Sầu

riêng, thời gian cụ thể ông C không nhớ chính xác; Lần 03: Ông Thục nhổ 50 cây Cà phê và 05 cây Sầu riêng, thời gian cụ thể ông Lê Thanh C không nhớ chính xác. Các lần này ông C và bà S đều có báo Công an thị trấn Ia Kha nhưng chưa được giải quyết.

Đồng thời, trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2022, ông T còn mức đất ở phía trên để cho trời mưa chảy đất xuống lấp một phần ao nước của vợ chồng ông C vị trí tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 26 tại tổ dân phố A, thị trấn I, huyện I. Thửa đất này có nguồn gốc do ông C và bà S nhận chuyển nhượng của ông Tô Ngọc H và bà Lê Thị T1 theo Biên bản sang nhượng đất ngày 26/3/2016, thửa đất này hiện nay Nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Ông C và bà S có báo Công an thị trấn Ia Kha nhưng cũng chưa được giải quyết. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/6/2024 xác định phần ao bị lấp đất là 1.200m³.

Do vậy ông Lê Thanh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Huy T phải bồi thường thiệt hại của 110 cây Cà phê trồng mới năm 1 là 8.175.640 đồng, thiệt hại của 15 cây Sầu riêng trồng mới năm 1 là 2.775.000 đồng và thiệt hại 1.200m³ phần ao bị đất bồi lấp là 33.600.000 đồng. Tổng cộng là 44.550.640 đồng.

2. Bị đơn là ông Phan Huy T trình bày: Ông Phan Huy T với phía vợ chồng ông C có tranh chấp về quyền sử dụng đất tại phần giáp ranh và đã được hoà giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn I nhưng không thành. Ông T không có hành vi phun thuốc hay nhổ làm thiệt hại 110 cây Cà phê và 15 cây Sầu riêng mới trồng như ý kiến ông C trình bày. Tại phiên toà, ông T công nhận có nhổ 3 cây cà phê và 01 cây sầu riêng tại phần đất sát ao nước của ông T do các cây trồng này trồng trên đất của ông T không phải đất của vợ chồng ông C. Về phần ao nước, ông T không thực hiện việc đổ đất vào ao của ông C. Vào năm 2019, ông T có mức đất trên phần đất của mình để làm ao, cải tạo vườn, phần đất ông Thục m nằm ở phía trên còn ao nước của ông C nằm ở phía dưới, khi ông T mức đất thì ông C tự ý đi lấp mương nước chảy quanh ao của mình, ông T có nói với ông C về việc phải làm con mương để khi trời mưa to thì nước mưa và đất trôi theo con mương, không trôi vào ao nhưng ông C không làm. Ông T cũng đã thực hiện việc san lấp đất cách bờ ao của ông C hơn 01m, trồng cây dâu tằm và dùng bao đất che chắn để không làm đất bị sạt lở xuống phía dưới. Vì vậy, ông T không có lỗi dẫn đến việc đất bị nước mưa rửa trôi bồi lấp một phần ao của ông C. Do vậy, ông T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị S trình bày: Bà S đồng ý với ý kiến và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh C là chồng của bà S. Bà S bổ sung thêm, bà là người tận mắt chứng kiến ông T 3 lần nhổ phá cây trồng gồm lần 1 nhổ 50 cây Cà phê và 15 cây Sầu riêng, lần 2 nhổ 3 cây Cà phê và 1 cây Sầu riêng, lần 3 nhổ khoảng gần 50 cây Cà phê. Do ông T nhà ở gần thửa đất nên sau khi nhổ cây thì chạy về rất nhanh, bà S không có máy ảnh nên không chụp ảnh lại được. Sau khi phát hiện, bà S đều báo cho Công an thị trấn và tổ dân phố để giải quyết.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản hòa giải ngày 13/6/2023; Biên bản hòa giải ngày 19/10/2023; Biên bản hòa giải ngày 25/10/2023; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/4/2023; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 930746 ngày 15/11/2016;

Biên bản sang nhượng đất ngày 26/3/2016; Bản tự khai ngày 07/12/2023; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 105351 ngày 27/12/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 105350 ngày 27/12/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 105353 ngày 27/12/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 105352 ngày 27/12/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 105353 ngày 27/12/2013; Công văn số 186 ngày 22/01/2024 của Công an thị trấn I; Biên bản cung cấp tài liệu, chứng cứ ngày 21/3/2024 của UBND thị trấn I; Đơn kiến nghị của ông Lê Thanh C; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/3/2024; Biên bản định giá tài sản ngày 12/3/2024; Biên bản làm việc ngày 08/5/2024 và sơ đồ lồng ghép bản đồ địa chính.

5. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phan Huy T phải bồi thường thiệt hại của 03 cây Cà phê trồng mới năm 1, thiệt hại của 01 cây Sầu riêng trồng mới năm 1. Các yêu cầu còn lại của nguyên đơn do họ không có căn cứ để chứng minh thiệt hại và người gây thiệt hại nên không chấp nhận; Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông C không khởi kiện tranh chấp về quyền sử dụng đất với ông T nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Ông C chỉ khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về cây trồng: Ông C khởi kiện cho rằng ông T có hành vi phun thuốc, nhổ phá cây làm thiệt hại 110 cây cà phê và 15 cây Sầu riêng mới trồng năm 1. Ông C cung cấp chứng cứ là biên bản hoà giải ngày 13/6/2023 tại Tổ dân phố 1, biên bản hoà giải ngày 19/10/2023 và biên bản hoà giải lần 2 ngày 25/10/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn I. Tại các biên bản này chỉ thể hiện việc ông C trình bày về việc mình bị ông T phun thuốc, nhổ phá cây Cà phê, cây Sầu riêng và làm bồi lấp ao nhưng không có ý kiến trình bày nào của ông T công nhận sự việc này mà phía ông T chỉ có ý kiến liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất. Ông C còn cho rằng ông có báo Công an thị trấn I để giải quyết. Tại Công văn số 186/CV-CATT ngày 22/01/2024 (bút lục số 68) thể hiện ngày 10/6/2023, ông C có tố cáo việc ông T có hành vi nhổ phá cây Cà phê và cây Sầu riêng, Công an thị trấn cũng đã tiến hành xác minh thông tin và xác định có liên quan đến vấn đề tranh chấp đất đai nên đã hướng dẫn gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thị trấn I để được giải quyết theo thẩm quyền. Như vậy, các chứng cứ mà ông C đưa ra không có chứng cứ nào khẳng định việc ông T có hành vi phun thuốc, nhổ phá cây

làm thiệt hại 110 cây cà phê và 15 cây Sầu riêng mới trồng năm 1 của vợ chồng ông C. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ, vợ chồng ông C cũng xác định vị trí các cây trồng mà họ cho rằng đã bị ông T nhổ phá không thống nhất với nhau, ngày 12/4/2024 họ xác định các cây trồng này nằm ở vị trí đã được phát dọn, san ủi và trồng mới (phía trên – thửa đất 180) nhưng tại biên bản làm việc ngày 08/5/2023 họ lại xác định tại vị trí khác (phía dưới – thửa đất 181), tại phiên toà lại xác định tại thửa đất 180. Theo quan sát bằng mắt thường thì tại vị trí mà ông C chỉ và xác định đây là vị trí cây trồng bị ông T phun thuốc, nhổ phá thì vào thời điểm xem xét, thẩm định ngày 12/4/2024 phần đất này vẫn còn nhiều cây bụi rậm, chưa được phát dọn. Như vậy, ngay cả việc xác định vị trí cây trồng của mình bị thiệt hại, ông C còn tự trình bày mâu thuẫn với nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng, ông C là người khởi kiện nhưng không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh về người có hành vi gây thiệt hại về tài sản cho mình và căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Điều 584 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên toà, ông T công nhận có nhổ 3 cây Cà phê và 01 cây Sầu riêng vì cho rằng các cây trồng này ở trên đất của ông T nên ông T có quyền nhổ. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông T không phải là người trồng các cây trồng này mà là do vợ chồng ông C là người trồng, theo quy định của pháp luật các bên đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất tại vị trí có tài sản (cây trồng) của người khác mà chưa được nhà nước công nhận ai là người có quyền sử dụng đất thì các bên phải giữ nguyên hiện trạng đất, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều là trái pháp luật và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông T phải bồi thường cho ông C thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm của 03 cây Cà phê trồng mới năm 1 là 222.972 đồng, của 01 cây Sầu riêng trồng mới năm 1 là 185.000 đồng. Tổng cộng là 407.972 đồng. Đối với phần yêu cầu còn lại gồm yêu cầu bồi thường thiệt hại của 107 cây Cà phê trồng mới năm 1 và 14 cây Sầu riêng trồng mới năm 1 Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do ao nước bị đất bồi lấp: Ông C cho rằng ông T mức đất tại thửa đất phía trên, để cho trời mưa làm chảy đất xuống lấp một phần ao nước của ông C là 1.200m³, gây thiệt hại là 33.600.000 đồng. Ông T công nhận có mức đất phía trên phần đất ao của ông C và ao của ông C có bị nước mưa làm bồi lấp một phần nhưng không phải lỗi của ông T mà do ông C đã không thực hiện việc làm mương thoát nước. Khi mức đất làm ao và san đất làm vườn, ông T cũng đã thực hiện việc san lấp đất cách bờ ao của ông C hơn 01m, trồng cây dâu tằm và dùng bao đất che chắn để không làm đất bị sạt lở xuống phía dưới. Vì vậy, ông T không có lỗi dẫn đến việc đất bị nước mưa rửa trôi bồi lấp một phần ao của ông C.

Hội đồng xét xử thấy rằng, một phần ao của ông C bị đất bồi lấp, gây thiệt hại là có thật. Để xác định nguyên nhân của thiệt hại, kiểm tra hiện trạng thực tế thì phần ao của ông C không có mương thoát nước ở hai bên và phần bờ ao được đắp lên cao làm lối đi từ đôi bên này sang phía đôi bên kia dẫn đến việc nước mưa từ trên chảy xuống được chứa vào ao, không thể thoát được. Xem xét trên bản đồ, thửa đất mà ông C làm ao và thửa đất của ông T phía trên trước đây đều là ruộng lúa, có mương thoát nước ở hai bên nhưng do chủ sử dụng đất cải tạo làm ao đã làm thay đổi hiện trạng đất, không có mương thoát

nước nên khi mưa nước từ trên cao chảy xuống mang theo đất và lắng đọng làm bồi lấp ao là hoàn toàn do lỗi của ông C không thực hiện các biện pháp thoát nước cần thiết để bảo vệ tài sản của mình. Thiệt hại xảy ra là do lỗi hoàn toàn của ông C, ông T không có lỗi nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 584 của Bộ luật Dân sự không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện này của ông C.

[3] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.400.000 đồng.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận; Bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 588, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh C, buộc ông Phan Huy T phải bồi thường cho ông Lê Thanh C thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm của 03 cây Cà phê trồng mới năm 1 là 222.972 đồng (hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng), của 01 cây Sầu riêng trồng mới năm 1 là 185.000 đồng (một trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng là 407.972 đồng (bốn trăm không bảy nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh C về việc buộc ông Phan Huy T phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm của 107 cây Cà phê trồng mới năm 1 là 7.952.668 đồng (bảy triệu chín trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng), của 14 cây Sầu riêng trồng mới năm 1 là 2.590.000 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) và thiệt hại 1.200m³ phần ao bị đất bồi lấp là 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 43.782.668 đồng (bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng).

3. Buộc ông Phan Huy T phải hoàn trả cho ông Lê Thanh C toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

4. Buộc ông **Lê Thanh C** phải chịu 2.189.133 đồng (hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn một trăm ba mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp là 1.067.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009076 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; Ông **Lê Thanh C** còn phải nộp 1.122.133 đồng (một triệu một trăm hai mươi hai nghìn một trăm ba mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Buộc ông **Phan Huy T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đính